

**DANH MỤC TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**

(Đính kèm Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện)



STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần BH	Ghi chú
A. Thủ tục theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng				
1	Chính sách chất lượng	CSCL	1	
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL	1	
3	Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	BMT	1	
4	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ)	QT-01	1	
5	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT-02	1	
6	Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng	QT-03	1	
7	Quy trình kiểm soát và xử lý công việc không phù hợp	QT-04	1	
8	Quy trình thực hiện hành động khắc phục	QT-05	1	
9	Quy trình xem xét của lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng	QT-06	1	
B. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính				
I. PHÒNG NỘI VỤ				
1. Lĩnh vực Tôn giáo (Quyết định số 6038/QĐ-UBND ngày 31/01/2018)				
10	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-01/TG	1	
11	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-02/TG	1	
12	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-03/TG	1	
2. Lĩnh vực Phi chính phủ (Quyết định số 6253/QĐ-UBND ngày 29/11/2017)				
13	Cấp giấy phép thành lập quỹ và công nhận điều lệ quỹ hoạt động trong phạm vi quận - huyện, phường - xã, thị trấn	QT-01/PCP	1	
14	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ hoạt động trong phạm vi quận - huyện, phường - xã, thị trấn	QT-02/PCP	1	
15	Công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ hoạt động trong phạm vi quận - huyện, phường - xã, thị trấn trường hợp có bổ sung, thay đổi thành viên	QT-03/PCP	1	
16	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ hoạt động trong phạm vi quận - huyện, phường - xã, thị trấn	QT-04/PCP	1	
17	Đổi tên quỹ hoạt động trong phạm vi quận - huyện, phường - xã, thị trấn	QT-05/PCP	1	
18	Hợp nhất, sát nhập, chia, tách quỹ hoạt động trong phạm vi quận - huyện, phường - xã, thị trấn	QT-06/PCP	1	
19	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Quỹ hoạt động trong phạm vi quận - huyện, phường - xã, thị trấn	QT-07/PCP	1	
20	Tự giải thể quỹ hoạt động trong phạm vi quận - huyện, phường - xã, thị trấn	QT-08/PCP	1	
21	Công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong quận - huyện; phường - xã, thị trấn	QT-09/PCP	1	

22	Đăng ký tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường có phạm vi hoạt động trong quận - huyện, phường - xã, thị trấn (dùng cho đơn vị tổ chức Đại hội từ nhiệm kỳ thứ 2 trở đi)	QT-10/PCP	1	
23	Phê duyệt điều lệ hội có phạm vi hoạt động trong quận - huyện; phường - xã, thị trấn	QT-11/PCP	1	

3. Lĩnh vực Thi đua khen thưởng (Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 14/11/2018)

24	Tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về công trạng và thành tích	QT-01/TĐKT	1	
25	Tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT-02/TĐKT	1	
26	Tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về thành tích đợt xuất	QT-03/TĐKT	1	
27	Công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”	QT-04/TĐKT	1	
28	Công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”	QT-05/TĐKT	1	
29	Công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”	QT-06/TĐKT	1	

4. Lĩnh vực Cán bộ công chức (Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 20/4/2018)

30	Tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển	QT-01/CBCC	1	
31	Thi tuyển công chức	QT-02/CBCC	1	
32	Thi nâng ngạch công chức	QT-03/CBCC	1	
33	Công nhận phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã	QT-04/CBCC	1	
34	Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã	QT-05/CBCC	1	

5. Lĩnh vực Chính quyền địa phương (Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 20/4/2018)

35	Thành lập khu phố mới	QT-01/CQĐP	1	
----	-----------------------	------------	---	--

II. PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (Quyết định Số 6440/QĐ-UBND ngày 04/12/2015; Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 15/05/2019; Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 01/9/2017; Quyết định 1405/QĐ-UBND ngày 27/4/2020)

1. Lĩnh vực dạy thêm học thêm

36	Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với các cơ sở giáo dục	QT-01/GD&ĐT	1	
----	--	-------------	---	--

2. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

37	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-02/GD&ĐT	1	
38	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	QT-03/GD&ĐT	1	
39	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT-04/GD&ĐT	1	
40	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT-05/GD&ĐT	1	
41	Sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở	QT-06/GD&ĐT	1	
42	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	QT-07/GD&ĐT	1	
43	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT-08/GD&ĐT	1	
44	Đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	QT-09/GD&ĐT	1	
45	Đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	QT-10/GD&ĐT	1	
46	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT-11/GD&ĐT		
47	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT-12/GD&ĐT	1	
48	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non công lập	QT-13/GD&ĐT	1	
49	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	QT-14/GD&ĐT	1	

50	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên	QT-15/GD&ĐT	1	
51	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	QT-16/GD&ĐT	1	
52	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	QT-17/GD&ĐT	1	
53	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	QT-18/GD&ĐT	1	
54	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực	QT-19/GD&ĐT	1	
55	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT-20/GD&ĐT	1	
56	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT-21/GD&ĐT	1	
57	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-22/GD&ĐT	1	
58	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thực	QT-23/GD&ĐT	1	
59	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT-24/GD&ĐT	1	
60	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT-25/GD&ĐT	1	
61	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT-26/GD&ĐT	1	
62	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT-27/GD&ĐT	1	
63	Công nhận trường Trung học đạt chuẩn quốc gia	QT-28/GD&ĐT	1	
64	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT-29/GD&ĐT	1	
65	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT-30/GD&ĐT	1	
66	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT-31/GD&ĐT	1	
67	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	QT-32/GD&ĐT	1	

III. VĂN PHÒNG HĐND-UBND HUYỆN (Luật tiếp công dân năm 2013; Luật khiếu nại, Luật tố cáo năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân; Thông tư số 06/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 quy định quy trình tiếp công dân.)

1. Lĩnh vực Tiếp công dân

68	Tiếp công dân	QT-01/TCD	1	
----	---------------	-----------	---	--

IV. THANH TRA (Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 08/5/2019)

1. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại

69	Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT-01/GQKN	1	
70	Giải quyết khiếu nại lần hai	QT-02/GQKN	1	

2. Lĩnh vực giải quyết tố cáo

71	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	QT-01/GQTC	1	
----	---------------------------------	------------	---	--

V. PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

1. Lĩnh vực Xây dựng (Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 15/7/2020)

72	Cấp Giấy phép xây dựng đối với trường hợp xây dựng mới công trình (công trình không theo tuyến; công trình theo tuyến trong đô thị; công trình tín ngưỡng; công trình quảng cáo và công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động)	QT-01/XD	1	
73	Cấp Giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ	QT-02/XD	1	
74	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo	QT-03/XD	1	
75	Cấp Giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời	QT-04/XD	1	
76	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	QT-05/XD	1	
77	Gia hạn giấy phép xây dựng	QT-06/XD	1	
78	Cấp lại giấy phép xây dựng	QT-07/XD	1	

79	Cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn đối với công trình (Các công trình không theo tuyến còn lại không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng, Ban quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố, BQL Đầu tư-Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, BQL khu công nghệ TP. HCM; công trình tín ngưỡng; công trình quảng cáo và công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động)	QT-08/XD	1	
80	Cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn đối với nhà ở riêng lẻ	QT-09/XD	1	

2. Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật (Quyết định số 5392/QĐ-UBND ngày 25/12/2019) (Bổ sung)

81	Cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị	QT-01/HTKT	1	
----	--	------------	---	--

3. Lĩnh vực Đường bộ (Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 31/01/2019)

82	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-01/ĐB	1	
83	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-02/ĐB	1	
84	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-03/ĐB	1	
85	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-04/ĐB	1	

4. Lĩnh vực Nhà ở (Quyết định số 3493/QĐ-UBND ngày 05/7/2017)

86	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận, huyện	QT-01/NƠ	1	
----	---	----------	---	--

VI. PHÒNG KINH TẾ

1. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa (Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 17/1/2019)

87	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-01/LTHH	1	
88	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-02/LTHH	1	
89	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-03/LTHH	1	
90	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-04/LTHH	1	
91	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT-05/LTHH	1	
92	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT-06/LTHH	1	
93	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	QT-07/LTHH	1	
94	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-08/LTHH	1	
95	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-09/LTHH	1	

2. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 17/1/2019)

96	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-01/CNTD	1	
97	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-02/CNTD	1	
98	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-03/CNTD	1	

3. Lĩnh vực Lao động tiền lương (Quyết định số 5287/QĐ-UBND ngày 10/10/2016; Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 21/5/2020)

99	Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động phải ngừng việc do đại dịch COVID-19	QT-01/LĐTL	1	
----	---	------------	---	--

VII. PHÒNG TƯ PHÁP

1. Lĩnh vực Hộ tịch (Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29/6/2018)

100	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-01/HT	1	
101	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-02/HT	1	
102	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-03/HT	1	
103	Đăng ký việc nhận cha mẹ con có yếu tố nước ngoài	QT-04/HT	1	

104	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha mẹ con có yếu tố nước ngoài	QT-05/HT	1	
105	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-06/HT	1	
106	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-07/HT	1	
107	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-08/HT	1	
108	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-09/HT	1	
109	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-10/HT		
110	Đăng ký Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-11/HT	1	
111	Ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh, giám hộ; nhận cha, mẹ, con, xác định cha mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch (sau đây gọi là các việc hộ tịch khác) của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-12/HT	1	
112	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-13/HT	1	
113	Ghi vào sổ việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-14/HT	1	
114	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-15/HT	1	
115	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-16/HT	1	

2. Lĩnh vực Chứng thực (Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29/6/2018)

116	Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-01/CT	1	
117	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (thủ tục này cũng được áp dụng trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)	QT-02/CT	1	
118	Chứng thực chữ ký người dịch là cộng tác viên của Phòng tư pháp	QT-03/CT	1	
119	Chứng thực chữ ký đối với người không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng tư pháp	QT-04/CT	1	
120	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-05/CT	1	
121	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-06/CT	1	
122	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-07/CT	1	
123	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-08/CT	1	

3. Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật (Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29/6/2018)

124	Công nhận báo cáo viên pháp luật	QT-01/PBGD	1	
125	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật	QT-02/PBGD	1	

4. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (Quyết định số 6048/QĐ-UBND ngày 28/12/2018)

126	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-01/BTNN	1	
127	Phục hồi danh dự	QT-02/BTNN	1	

VIII. PHÒNG VĂN HÓA THÔNG TIN (Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 26/9/2016)

1. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở

128	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	QT-01/VH	1	
129	Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	QT-02/VH	1	
130	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT-03/VH	1	
131	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT-04/VH	1	

132	Công nhận “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa” và tương đương	QT-05/VH	1	
133	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT-06/VH	1	
134	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT-07/VH	1	
2. Lĩnh vực Gia đình				
135	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-01/GĐ	1	
136	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-02/GĐ	1	
137	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-03/GĐ	1	
138	Cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-04/GĐ	1	
139	Cấp lại Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-05/GĐ	1	
140	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-06/GĐ	1	
IX. PHÒNG LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI				
1. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (Quyết định số 5287/QĐ-UBND ngày 10/10/2016; Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 08/5/2019; Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04/6/2018)				
141	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập trực thuộc UBND cấp huyện	QT-01/BTXH	1	
142	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-02/BTXH	1	
143	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT-03/BTXH	1	
144	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng LĐTB&XH	QT-04/BTXH	1	
145	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng LĐTB&XH	QT-05/BTXH	1	
146	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	QT-06/BTXH	1	
147	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT-07/BTXH	1	
2. Lĩnh vực Chính sách công (Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 19/1/2017)				
148	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-01/CSC	1	
149	Lập sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	QT-02/CSC	1	
150	Giải quyết chế độ đối với người hưởng chính sách như thương binh (trường hợp người bị thương thuộc cơ quan cấp huyện hoặc cấp xã và các trường hợp đóng trên địa bàn)	QT-03/CSC	1	
151	Di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT-04/CSC	1	
3. Lĩnh vực Trẻ em (Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04/6/2018)				
152	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT-01/TE	1	
153	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT-02/TE	1	

4. Lĩnh vực Lao động tiền lương (Quyết định số 5287/QĐ-UBND ngày 10/10/2016; Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 21/5/2020)

154	Đăng ký, đăng ký lại nội quy lao động của doanh nghiệp	QT-01/LĐTL	1	
155	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19	QT-02/LĐTL	1	

5. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04/6/2018; Quyết định số 3258/QĐ-UBND, 02/8/2019)

156	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-01/GDNN	1	
157	Miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân quận	QT-02/GDNN	1	
158	Cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân quận	QT-03/GDNN	1	

X. PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Lĩnh vực Đất đai (Quyết định số 1774/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2018)

159	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT-01/ĐĐ	1	
160	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	QT-02/ĐĐ	1	
161	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	QT-03/ĐĐ	1	

XI. PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

1. Lĩnh vực Quản lý đầu tư công (Quyết định số 5543/QĐ-UBND ngày 04/12/2018)

162	Thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C sử dụng nguồn vốn ngân sách quận - huyện	QT-01/QLĐT	1	
163	Thẩm định và quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng nhóm C được phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận – huyện quyết định đầu tư	QT-02/QLĐT	1	
164	Thẩm định và quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng nhóm C được phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận – huyện quyết định đầu tư	QT-03/QLĐT	1	

2. Lĩnh vực Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu (Quyết định số 6390/QĐ-UBND ngày 11/12/2017)

165	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận, huyện	QT-01/ĐT	1	
166	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận – huyện	QT-02/ĐT	1	

3. Lĩnh vực Đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư (Quyết định số 6390/QĐ-UBND ngày 11/12/2017)

167	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	QT-01/ĐT,LCĐT	1	
168	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	QT-02/ĐT,LCĐT	1	

4. Lĩnh vực Công sản (Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 29/6/2017)

169	Điều chuyển tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT-01/CS	1	
170	Bán tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT-02/CS	1	
171	Thanh lý tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT-03/CS	1	

5. Lĩnh vực Phát triển nông thôn (Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 18/03/2016)

172	Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho hợp tác xã thành lập mới	QT-01/PTNT	1	
-----	--	------------	---	--

6. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh, đăng ký thuế (Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 13/6/2018)

173	Nhóm thủ tục liên thông đăng ký hộ kinh doanh và đăng ký thuế	QT-01/LT	1	
-----	---	----------	---	--

7. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn (Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 13/6/2019)				
174	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	QT-01/KT	1	
175	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	QT-02/KT	1	
176	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT-03/KT	1	
177	Hỗ trợ dự án liên kết	QT-04/KT	1	
8. Lĩnh vực Đăng ký thành lập Hộ kinh doanh (Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 20/8/2018)				
178	Đăng ký thành lập Hộ kinh doanh	QT-01/HKD	1	
179	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Hộ kinh doanh	QT-02/HKD	1	
180	Tạm Ngừng Hoạt Động Hộ kinh doanh	QT-03/HKD	1	
181	Chấm Dứt Hoạt Động Hộ kinh doanh	QT-04/HKD	1	
182	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh	QT-05/HKD	1	
9. Lĩnh vực Hợp tác xã (Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 20/8/2018)				
183	Đăng ký hợp tác xã	QT-01/HTX	1	
184	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-02/HTX	1	
185	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	QT-03/HTX	1	
186	Đăng ký khi hợp tác xã chia	QT-04/HTX	1	
187	Đăng ký khi hợp tác xã tách	QT-05/HTX	1	
188	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QT-06/HTX	1	
189	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QT-07/HTX	1	
190	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	QT-08/HTX	1	
191	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	QT-09/HTX	1	
192	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	QT-10/HTX	1	
193	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	QT-11/HTX	1	
194	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	QT-12/HTX	1	
195	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-13/HTX	1	
196	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-14/HTX	1	
197	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT-15/HTX	1	
198	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-16/HTX	1	
199	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-17/HTX	1	
200	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	QT-18/HTX	1	
201	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	QT-19/HTX	1	
XII. PHÒNG Y TẾ				
1. Lĩnh vực Cấp Giấy chứng nhận vệ sinh An toàn thực phẩm (Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm)				
202	Cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm	QT-01/ATTP	1	

Tổng cộng: 12 phòng chuyên môn, 38 lĩnh vực, 193 thủ tục hành chính